

Bản án số: **26/2024/HS-ST**
Ngày 15/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Văn Khỏe và ông Lương Quang Toán.

Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Thuý - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **22/2024/TLST-HS** ngày 17 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **24/2024/QĐXXST-HS** ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Hoàng Văn Đ**, sinh ngày: 05/6/2000, tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Hoàng Văn Đ1, sinh năm: 1973 (đã chết); con bà: Hứa Thị N, sinh năm: 1977; vợ, con: chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 01/GUQ, ngày 08/8/2024) ông: Nguyễn Văn M - Phó Chủ tịch UBND thị trấn N). Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà: Hứa Thị N, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Những người làm chứng:

Ông: Hứa Văn B, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Ông: Hoàng Văn T, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Ông: Hoàng Văn T1, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian các tháng 10 và 11 năm 2022, Hoàng Văn Đ, mang theo dao quắm đến khu rừng Khu Ô, tổ dân phố K, thị trấn N, huyện N, mục đích chặt, phát dây leo và cây bụi để trồng cây lâm nghiệp. Tại khu rừng này hộ ông Hoàng Văn Đ1 và bà Hứa Thị N (là bố, mẹ đẻ của Đ) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, đất có rừng tự nhiên sản xuất, mục đích bảo vệ, khoanh nuôi và phát triển rừng tại thửa đất số: 3f, tờ bản đồ 568 (nay là các lô 6, 10 khoản 568A theo bản đồ quy hoạch phân 03 loại rừng thị trấn N, ban hành kèm theo Quyết định số: 1859/QĐ-UBND, ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh T). Bị cáo chặt, phát dây leo, cây bụi dưới tán rừng tại các lô 3, 6, 7, 10, 11 và 17 khoản 568A, chủ quản lý rừng là UBND thị trấn N. Quá trình chặt, phát bị cáo có nhờ mẹ là bà Hứa Thị N chặt, phát dây leo, cây bụi chung quanh khu vực mộ của gia đình trong khu đất. Sau khi phát xong khu đất bị cáo đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh đến tháng 8/2023 mới về nhà.

Đầu tháng 10/2023 thấy dây leo, cây bụi chỗ đất rừng mà bị cáo đã phát mọc trở lại, bị cáo tiếp tục dùng dao quắm chặt, phát và lại tiếp tục nhờ bà N chặt, phát dây leo, cây bụi tại khu vực mộ của gia đình (cả 02 lần chặt, phát của bị cáo cũng như của bà N không gây thiệt hại lâm sản và ảnh hưởng đến rừng).

Khoảng đầu tháng 11/2023 bị cáo mang theo máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 353 của gia đình đi lên khu vực rừng đã chặt, phát dây leo, cây bụi tại lô 6, 10 khoản 568A để cắt hạ các cây gỗ tạp và dùng dao quắm chặt phá các bụi nứa. Ngày 07/01/2024 Trạm kiểm lâm khu A thuộc Hạt kiểm lâm huyện N, xác minh qua tin báo phát hiện khu rừng bị chặt phá, qua đấu tranh phát hiện ra đối tượng chặt, phá rừng là Hoàng Văn Đ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 17/01/2024, biên bản xác định hiện trường ngày 24/4/2024 và ngày 17/5/2024 xác định được như sau:

Lô 3, diện tích 737 m², lô 7 và 11 tổng diện tích 1.424 m² lô 17 diện tích 650 m² Đình chặt, phát dây leo, cây bụi không gây thiệt hại lâm sản và ảnh hưởng đến rừng.

Lô 6 và 10 khoảnh 568A, bị cáo chặt hạ cây thân gỗ lớn, nhỏ, cây nứa, cây bụi, dây leo có tổng diện tích là 13.074 m², tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại là 25,326 m³ gỗ. Trong các lô 6 và 10 bà N chặt, phát dây leo, cây bụi trên diện tích 639 m² không gây thiệt hại lâm sản và ảnh hưởng đến rừng.

Tại kết luận định giá tài sản số: **08/KLĐG-HĐĐGTSTTHS**, ngày 03/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, kết luận: Tổng giá trị tài sản gồm 364 đoạn gỗ tròn (từ nhóm IV đến nhóm VIII), tổng khối lượng 25,326 m³ gỗ, có giá trị là 15.911.176đ (mười năm triệu chín trăm mười một nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai và thừa nhận về hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo.

Cáo trạng số: **25/CT-VKSNH** ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố bị cáo Hoàng Văn Đ về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

Tuyên bố bị cáo: Hoàng Văn Đ phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của BLHS.

Xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Ngoài ra đề nghị xử lý vật chứng, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, do thiếu hiểu biết pháp luật mong HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Đại diện bị hại: Do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn và bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng việc trồng cây S vào diện tích đất rừng chặt phá, UBND thị trấn N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng đầu tháng 11/2023 tại các lô 6 và 10 khoảnh 568A thuộc khu rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại khu vực Khu Ổ, tổ dân phố K, thị trấn N, huyện N; bị cáo đã dùng cưa xăng cắt, chặt hạ cây thân gỗ lớn, nhỏ, cây nửa, cây bụi, dây leo có tổng diện tích là 13.074 m², tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại là 25,326 m³ gỗ, có giá trị là 15.911.176đ (mười năm triệu chín trăm mười một nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên rừng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi bị khởi tố bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo đã khắc phục hậu quả của mình gây ra bằng việc bỏ tiền mua cây S về trồng lại trên toàn bộ diện tích đất rừng đã bị chặt hạ; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, tại phiên tòa đại diện bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào Điều 3 của BLHS, HĐXX xét thấy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đã nêu ở trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về nhân thân: Tính đến trước thời điểm phạm tội bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và việc cho bị

cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của BLHS, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình khó khăn vẫn chưa có nhà ở, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng: Đối với những vật chứng, tang vật thu giữ, HĐXX xét thấy đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với máy cưa xăng; tịch thu tiêu hủy 02 con dao găm.

[6] Về vấn đề khác: Việc bà Hứa Thị N có tham gia chặt, phát dây leo, cây bụi trên diện tích đất rừng là 639 m² không gây thiệt hại về lâm sản và ảnh hưởng đến rừng, do vậy HĐXX không xem xét xử lý.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Văn Đ** phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Xử phạt bị cáo: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án (15/11/2024).

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách:

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

2. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 353, màu sơn đỏ kèm theo lam xích máy cưa dài 65 cm, bản rộng nhất 08 cm, đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao quắm của Hoàng Văn Đ, chuôi gỗ dài 28 cm, lưỡi dao dài 36 cm, bản rộng nhất 05 cm, đã qua sử dụng.

- 01 con dao quắm của Hứa Thị N, chuôi gỗ dài 32 cm, lưỡi dao dài 30 cm, bản rộng nhất 05 cm, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, ngày 17 tháng 10 năm 2024).

3. Án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/11/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- CQĐT Công an huyện Na Hang;
- CQTHAHS huyện Na Hang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang;
- UBND xã Năng Khả;
- Bị cáo; Bị hại, người có QL,NVLQ;
- Lưu HSVA + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trường Giang